

Việt Trì, ngày 13 tháng 9 năm 2022

Số: 10/2022/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Dương Đức T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 1x, khu Đ, phường T, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: Ông **Dương Đức Q**, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Tổ 1x, khu Đ, phường B, thành phố V, tỉnh P.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Dương Thị Đ**, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Phố L, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà **Dương Thị M**, sinh năm 1945.

Nơi ĐKKH: Số nhà 9x ngõ 1x đường T, phường P, quận Đ, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: P5xx, chung cư O, ngõ 4x N, phường H, quận H, thành phố H

3. Ông **Dương Đức H**, sinh năm 1953.

Nơi ĐKKH: Số nhà 3x, ngõ 1x, phố V, phường K, quận T, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 2x, ngõ 2x, phố N, phường K, quận T, thành phố H.

4. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Tổ 1x, khu Đ, phường B, thành phố V, tỉnh P.

5. Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà 2x, ngõ 2x, phố N, phường K, quận T, thành phố H.

6. Bà **Lưu Thị A**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 1x, khu Đ, phường T, thành phố V, tỉnh P

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất trình bày: Bố mẹ các ông bà là ông Dương Văn P (đã mất năm 1993) và bà Nguyễn Thị C (đã mất năm 1973), bố mẹ các ông bà sinh được 05 người con là: Dương Thị Đ, sinh năm 1942; Dương Đức Q sinh năm 1943; Dương Thị M, sinh năm 1945; Dương Đức H, sinh năm 1953; Dương Đức T, sinh năm 1956. Ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố mẹ các ông bà khi còn sống có 01 thửa đất diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 715m²; số thửa 3xx, tờ bản đồ số 0x; địa chỉ thửa đất: phố Đ, phường B, thành phố V, tỉnh P - đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C780xxx ngày 01/10/1993 (cấp theo bản đồ 299 - bản đồ giấy năm 1987). Trong sổ mục kê và bản đồ lưu tại UBND phường B thì thửa đất trên có số thửa 3x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 865,7m², loại đất: Tn (đất ở đô thị)

Nay tại Tòa án, các đương sự thống nhất thỏa thuận:

+ Giao cho ông Dương Đức H và bà Bùi Thị N được sử dụng diện tích đất 249,5m² đất (ký hiệu là S1 có chỉ giới là 1,2,3,4,5,6,7,1. - trích đo kèm theo) số thửa 3xx, tờ bản đồ số 0x; địa chỉ thửa đất: phố Đ, phường B, thành phố V, tỉnh P - đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C780xxx ngày 01/10/1993 (cấp theo bản đồ 299 - bản đồ giấy năm 1987); Trong sổ mục kê và bản đồ lưu tại UBND phường B thì thửa đất trên có số thửa 3x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 865,7m², loại đất: Tn (đất ở đô thị)

+ Giao cho ông Dương Đức Q và bà Nguyễn Thị H được sử dụng diện tích đất 462,2m² (ký hiệu là S2 có chỉ giới là: 6,7,8,9,6 trích đo kèm theo) số thửa 3xx, tờ bản đồ số 0x; địa chỉ thửa đất: phố Đ, phường B, thành phố V, tỉnh P - đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C780xxx ngày 01/10/1993 (cấp theo bản đồ 299 - bản đồ giấy năm 1987); Trong sổ mục kê và bản đồ lưu tại UBND phường B thì thửa đất trên có số thửa 3x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 865,7m², loại đất: Tn (đất ở đô thị)

+ Giao cho ông Dương Đức T và bà Lưu Thị A được sử dụng diện tích đất 154,0m² (ký hiệu là S3 có chỉ giới là: 8,9,10,11,8 - trích đo kèm theo) số thửa 3xx, tờ bản đồ số 0x; địa chỉ thửa đất: phố Đ, phường B, thành phố V, tỉnh P - đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C780xxx ngày 01/10/1993 (cấp theo bản đồ 299 - bản đồ giấy năm 1987); Trong sổ mục kê và bản đồ lưu tại UBND phường B thì thửa đất trên có số thửa 3x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 865,7m², loại đất: Tn (đất ở đô thị)

Ông H và bà N, Ông Q và bà H, ông T và bà A có quyền liên hệ với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình.

Về án phí: Miễn án phí cho ông Dương Đức T, ông Dương Đức Q, ông Dương Đức H, bà Lưu Thị A, bà Nguyễn Thị H, bà Bùi Thị N do có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân T.P Việt Trì;
- Chi cục Thi hành án dân sự T.P Việt Trì
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Hoa